

(Mẫu này bị sửa đổi bởi Điểm b Khoản 7 Điều 1 Thông tư 40/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/07/2025)

(Mẫu dưới đây đã bao gồm nội dung sửa đổi)

Mẫu số: **01-3/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG PHÂN BỐ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN
(Kèm theo tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng..... năm.....

[02] Lần đầu ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

[04] Người nộp thuế :.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Tổng doanh thu thực tế:..... đồng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

ST T	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bố	Doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh (%)	Số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh
			Xã/ phườn g/đặc khu	Tỉn h				
[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]=[13]/ [06]x100%	[15]=chỉ tiêu [40]x[14]
1	<Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>							
2	<Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....
 NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

3. Chỉ tiêu [17] + chỉ tiêu [18] phải bằng chỉ tiêu [40] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

4. *Chỉ tiêu [40] lấy trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.*